TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HS-ST
Ngày: 28-7-2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 125/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 13/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 08/9/1996; tại: Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT: Thôn NQ, xã TX, huyện TX1, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Hoàng Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/01/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Anh Đặng Hoài D, sinh ngày 02/7/2005. Nơi cư trú: Số X, Tổ X1, Khu phố X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số X3, Khu phố X4, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Bùi Thị Ngọc Y, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số X, Tổ X1, Khu phố X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Võ Vĩnh H1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và đối tượng Lê Văn T, sinh năm 1994, cư trú tại tỉnh An Giang (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội và đều là những đối tượng không có nghề nghiệp. Vào các ngày 13/01/2023 và 14/01/2023, Q và T đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp T sản trên địa bàn thành phố M, tỉnh Bình Dương, hành vi cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2023, trong lúc Nguyễn Văn Q đang ở phòng trọ tại địa chỉ phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì Lê Văn T đến và rủ Q đi trộm cắp T sản của người khác đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (chưa xác định rõ biển số) chở Q chạy đến khu vực thành phố M, tỉnh Bình Dương tìm T sản để trộm cắp. Khi đến trước nhà số X, Tổ X1, Khu phố X2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đỏ - trắng, biển số 67M1-096.xx của ông Phạm Văn H thường trú tại địa chỉ trên đang dựng trước nhà, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa và xung quanh không có người trông coi nên T dừng xe lại và cảnh giới, còn Q bước xuống xe lén lút tiến lại gần xe mô tô biển số 67M1-096.xx ngồi lên xe, khởi động máy rồi điều khiển xe chạy về phòng trọ của Q cất giấu.

Đối với ông Phạm Văn H, đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 13/01/2023, ông H phát hiện xe mô tô biển số 67M1-096.xx dựng trước nhà đã bị mất trộm nên đến Công an phường P trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải Q theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2023 của Hội đồng định giá T sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đỏ-trắng, biển số 67M1-096.xx, trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Đối với xe mô tô biển số 67M1-096.xx nêu trên, quá trình điều tra xác định xe trên thuộc sở hữu của anh Phạm Văn H nên ngày 17/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho ông H theo Q định xử lý vật chứng 216/QĐ ngày 17/01/2023. Ông H không yêu cầu gì khác.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 12 giờ ngày 14/01/2023, T tiếp tục rủ Q đến khu vực thành phố M tìm T sản để trộm cắp, Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter chở Q chạy đến đường TQD, khi đến trước nhà số X4, đường TQD, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng, biển số 61C1 - 844.xx của anh Đặng Hoài D dựng phía trước nhà, xe đang mở khóa và không có người trông coi nên T dừng xe lại để Q lén lút tiến lại gần xe mô tô biển số 61C1 - 844.xx rồi ngồi lên xe, khởi động máy điều khiển xe chạy về phòng trọ của Q cất giấu.

Đối với anh Đặng Hoài D, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô biển số 61C1 - 844.xx thì nhớ lại trong cốp xe còn có chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 64Gb có cài đặt ứng dụng định vị, qua kiểm tra anh D phát hiện vị trí chiếc điện thoại đang ở khu vực phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đến Công an phường D trình báo. Nhận được tin báo, Công an phường D tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà trọ có địa chỉ tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do Q đang quản lý thì phát hiện trong phòng có 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 67M1-096.xx và

01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 61C1 - 844.xx, bên trong cốp xe có 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 64Gb kèm 01 (một) ốp lưng nên Công an phường D đưa Q về trụ sở Công an phường làm việc. Tại Công an phường D, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Sau đó, Công an phường D tiến hành bàn giao đối tượng Nguyễn Văn Q cùng số vật chứng đã thu giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải Q theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2023 của Hội đồng định giá T sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng, biển số 61C1 - 844.xx trị giá 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11gb, màu tím, trị giá 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại trị giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Đối với các tài sản nêu trên, quá trình điều tra xác định là của anh Đặng Hoài D nên ngày 17/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho anh D theo Q định xử lý vật chứng số 217/QĐ ngày 17/01/2023. Anh D không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Đối với đối tượng Lê Văn T, do quá trình điều tra Nguyễn Văn Q khai không biết rõ nhân thân, lai lịch của T, mà chỉ biết T sinh năm 1994 và quê quán ở tỉnh An Giang nên ngày 09/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã có Công văn số 1036/CV-CSĐT-ĐTTH gửi Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh An Giang yêu cầu rà soát đối tượng có thông tin như trên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 124/CT-VKSTDM ngày 11/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức hình phạt từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị giải Q.

Về biện pháp tư pháp: Không có

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đồng thời không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Q định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 13 và 14/01/2023, Nguyễn Văn Q cùng đối tượng Lê Văn T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đã thực hiện 02 vụ trộm cắp T sản trên địa bàn thành phố M, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 76.550.000đ (bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2023, Q cùng T lén lút lấy trộm của ông Phạm Văn H 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đỏ-trắng, biển số 67M1-096.xx, trị giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Khoảng 12 giờ ngày 14/01/2023, Q cùng T lén lút lấy trộm của Đặng Hoài D 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu trắng, biển số 61C1 - 844.xx trị giá 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11GB kèm ốm lưng, trị giá 6.550.000đ (sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 13, 14/01/2023 nên đã phạm vào tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tài sản đã được thu hồi, hoàn trả cho các bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cũng như nhân thân của bị cáo, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, hoàn trả lại cho các bị hại; các bị hại đều không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải Q.

4. Về biện pháp tư pháp: Không có.

5. Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo